

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD102 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (60%)	Điểm thi 80%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14115426	LÊ TÂN ANH	DH14GN	<i>[Signature]</i>		9	5,8	7,3	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14115282	NGUYỄN TỬ ANH	DH14GN	<i>[Signature]</i>		10	3,7	1,0	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13115158	NGUYỄN VĂN PHÚ BÌNH	DH13CB							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14154008	VY THÀNH CÔNG	DH14OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14138043	PHAN VĂN DŨNG	DH14TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118009	NGUYỄN VĂN DƯ	DH13CC	<i>[Signature]</i>		10	3,9	6,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14138045	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	DH14TD	<i>[Signature]</i>		10	6,4	7,0	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118112	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	DH13CK	<i>[Signature]</i>		10	6,7	8,5	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13334048	NGÔ HUỖNH ĐĂNG	CD13CI	<i>[Signature]</i>		7	2,3	2,0	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118119	NGÔ HỮU HOÀI ĐỒ	DH13CK							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13115027	HUỖNH LẬP ĐỨC	DH13CB	<i>[Signature]</i>		9	5,2	5,5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138052	TÔ MINH ĐỨC	DH13TD	<i>[Signature]</i>		9	4,5	2,5	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14154090	HỒ THANH HẢI	DH14OT	<i>[Signature]</i>		9	9,5	9	1,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154104	LÊ HỮU HẢI	DH13OT	<i>[Signature]</i>		10	3,6	2,5	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14115027	VÕ THỊ MỸ HẢO	DH14GB	<i>[Signature]</i>		9	5,8	2,0	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13154108	ĐỖ MINH HIẾU	DH13OT	<i>[Signature]</i>		10	6,8	5,0	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118137	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	DH13CK	<i>[Signature]</i>		10	6,2	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13154111	HOÀNG NGỌC HOÀI	DH13OT	<i>[Signature]</i>		10	8,4	4,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD102 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi 60%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13115220	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG	HOÀNG	DH13CB						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153079	VŨ VĂN HUY	HOÀNG	DH12CD		8	1,9	3,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13154123	PHẠM	HÙNG	DH13OT		8	3,2	6,3	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118168	PHẠM VĂN	HÙNG	DH13CC	Hùng	6	1,2	2,5	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118153	CAO THANH	HUY	DH13CK						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13334083	PHAN TẤN	HUY	CD13CI						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 7

Hiện diện: 17

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

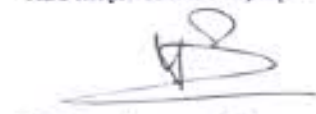
Xác nhận của khoa/bộ môn

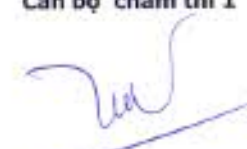
Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Nguyễn Thị Kiều Hạnh


Cao Đức Lợi


TS. Vũ Văn Tiến


Ths. Nguyễn Thị Kiều Hạnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD103 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13115046	VŨ VĂN HUY	DH13CB	<i>[Signature]</i>		10	2,3	0,5	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13115247	NGUYỄN MẠNH KHA	DH13GN	<i>[Signature]</i>		10	2	1,5	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154126	NGUYỄN VŨ KHANG	DH13OT	<i>[Signature]</i>		10	5,5	2,5	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138094	PHẠM DUY KHÁNH	DH13TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14154110	LÊ MAI KHOA	DH14OT	<i>[Signature]</i>		10	4,3	7,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118186	ĐÀO XUÂN KHÔI	DH13CK	<i>[Signature]</i>		9	5,8	4,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13138097	TRẦN TIẾN KHÔI	DH13TD	<i>[Signature]</i>		8	2,4	2,0	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14154028	ĐẶNG TUẤN KIẾT	DH14OT	<i>[Signature]</i>		10	2,8	4,8	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14138017	TRẦN ĐỨC LÂM	DH14TD	<i>[Signature]</i>		9	4,4	3,8	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13154141	NGUYỄN THÀNH LONG	DH13OT	<i>[Signature]</i>		10	5,9	5,8	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14115334	NGUYỄN THÀNH LONG	DH14CB	<i>[Signature]</i>		9	0,5	0,5	1,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13115271	ĐẶNG HOÀNG LƯƠNG	DH13CB	<i>[Signature]</i>		9	3,3	1	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13115274	PHẠM ĐỨC LƯƠNG	DH13CB	<i>[Signature]</i>		9	2,7	0	1,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14115339	VŨ THỊ SAO MAI	DH14GN	<i>[Signature]</i>		9	4,3	8,3	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14115201	NGUYỄN NHẬT MINH	DH14CB							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13153014	TRỊNH ĐÌNH MINH	DH13CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13115072	HOÀNG TRIỆU NAM	DH13GN	<i>[Signature]</i>		8	3,4	4,8	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13115296	NGUYỄN VIỆT NGỌC	DH13CB			10	5,9	6,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD103 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13138129	TRƯƠNG VĂN NGỌC	DH13TD	<i>Ngọc</i>	56/18	Quy	nhận	4,7		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13115300	LÊ TRUNG NGUYỄN	DH13GN	<i>Trung</i>	8	3,4	4,0	4,2		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14138072	NGUYỄN VŨ NGUYỄN	DH14TD	<i>Vũ</i>	10	8	7,5	7,9		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118034	NGUYỄN MINH NHÂN	DH13CC	<i>Nhân</i>	8	4,7	4,5	4,0		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13115310	HUYỄN CHÍ NHƠN	DH13CB	<i>Nhôn</i>	10	4,8	6,8	6,5		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12115108	NGUYỄN THÀNH NHƠN	DH12CB	<i>Thành</i>	7	2,2	5,5	4,6		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14115217	NGÔ THỊ HỒNG NHUNG	DH14GB	<i>Nhung</i>	8	3,1	3,8	4,0		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14154130	VƯƠNG NINH	DH14OT	<i>Ninh</i>	10	4,0	3,8	4,5		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13154157	LÊ HỒNG PHONG	DH13OT	<i>Phong</i>	6	1,7	0,3	1,3		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13115339	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	DH13GN	<i>Phước</i>	10	5,3	7,5	7,1		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13115489	HÀ THU PHƯƠNG	DH13CB	<i>Phuong</i>	9	5,3	5,5	5,8		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13153181	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	DH13CD	<i>Phuong</i>	8	3	4,5	4,4		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13115345	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	DH13CB	<i>Quang</i>	9	3,4	4,0	4,3		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13153186	TRẦN MINH QUANG	DH13CD	<i>Quang</i>	9	2,2	6,5	5,4		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13138167	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	DH13TD	<i>Quân</i>	9	5,3	8,0	7,3		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13115351	HỒ PHÚC QUY	DH13CB	<i>Quy</i>	10	3,8	3,0	3,3		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13115358	ĐÀO THỊ KIM SANG	DH13CB	<i>Sang</i>	10	6,5	7,5	7,5		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13118045	NGUYỄN VĂN SANG	DH13CK	<i>Sang</i>	7	3,7	3,7	4,0		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD104 Nhóm : 01 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13115091	LÊ THỊ HỒNG	SEN	DH13GB	Sen	10	64	38	36	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13115361	NGUYỄN NGỌC	SON	DH13CB	Ru	8	54	5,5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13115094	NGUYỄN TRÍ	TÀI	DH13CB	Trí	10	25	0,5	2,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13153021	CAO THANH	TÂN	DH13CD	Tim	9	28	55	570	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13114492	LÊ ĐỨC	TÂY	DH13CB	Ban	10	3	4,5	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14115366	NGUYỄN VĂN	THANH	DH14GN				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14138087	HUỖNH TIẾN	THÀNH	DH14TD				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13334181	TRẦN VĂN	THÀNH	CD13CI	thanh	10	24	3,0	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13115385	NGUYỄN NGỌC	THÀNH	DH13CB	Ngoc	9	33	4,5	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118275	ĐẶNG ANH	THẢO	DH13CK	Thu	10	63	1,8	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14154052	LÊ CAO	THẮNG	DH14OT	Thy	10	35	8,0	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14115373	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	DH14GB	Thy	10	42	6,0	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14154053	VÕ HOÀNG	THẮNG	DH14OT	Ho	7	0,5	1,5	1,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13334188	NGUYỄN NGÔ MINH	THẾ	CD13CI				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13115394	NGUYỄN HỮU	THO	DH13CB	Tho	10	32	1,0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13154058	TRẦN NGUYỄN TRỌNG	THOAI	DH13OT				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13115403	TRẦN VĂN	THUẬN	DH13GN	Thuan	7	1	4,0	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13115118	LÊ DUY	THỨC	DH13CB	Thuc	8	4	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD104 Nhóm : 01 Tổ : 003

STT	MÃ SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (3%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13118301	LÊ ĐỨC TÍN	DH13CK	<i>[Signature]</i>		9	4,5	2,5	3,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118307	NGUYỄN TRIỆU TOÀN	DH13CK	<i>[Signature]</i>		8	6,8	9,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14115397	NGÔ THỊ BÍCH TRÂM	DH14CB					✓		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13115442	VÕ CÔNG TRINH	DH13CB	<i>[Signature]</i>		10	4	1,5	3,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14118292	NGUYỄN TÂN TRUYỀN	DH14CK	<i>[Signature]</i>				cấm thi		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118330	ĐOÀN MINH TUẤN	DH13CK					✓		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13115453	TRẦN ANH TUẤN	DH13CB	<i>[Signature]</i>		10	4,4	8,3	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13115460	LÊ TIẾN TÙNG	DH13CB	<i>[Signature]</i>		8	2,3	5,5	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13115135	DƯƠNG THU UYÊN	DH13CB	<i>[Signature]</i>		9	3,7	3,6	4,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14115415	HOÀNG THỊ PHƯƠNG UYÊN	DH14GN					✓		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13115467	PHẠM VŨ BÍCH UYÊN	DH13GB	<i>[Signature]</i>		10	5,9	4,3	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	14154064	MAI QUỐC VIỆT	DH14OT	<i>[Signature]</i>		10	7,9	8,6	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	14153062	TRỊNH THÀNH VIỆT	DH14CD	<i>[Signature]</i>		9	1,3	4,3	3,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13115474	NGUYỄN THANH VINH	DH13CB	<i>[Signature]</i>		10	5	5,5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	14115270	NGUYỄN VĂN VUI	DH14GN	<i>[Signature]</i>		10	5,8	4,5	5,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	14115273	NGUYỄN THỊ TRÀ VY	DH14CB	<i>[Signature]</i>		10	6	6	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13115485	LÊ NGUYỄN HOÀNG YẾN	DH13CB	<i>[Signature]</i>		10	3,2	4	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD105 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11169002	ĐỖ VĂN ANH	DH11GN	<i>Do</i>	1	0,5	12,5	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14154068	HỒ VIỆT ANH	DH14OT	<i>Ho</i>	1	1	0	1,2	2,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14115004	LƯU THỊ NGỌC	DH14GN	<i>Luo</i>	1	1,9	1,9	5,7	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14115283	NGUYỄN THỊ ANH	DH14GN	<i>Nh</i>	1	0,6	1,5	4,2	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14154004	NGUYỄN HOÀI BẢO	DH14OT	<i>Sao</i>	1	0	1,6	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14115430	PHẠM HUY BÌNH	DH14GN	<i>Phu</i>	1	0,5	1,2	2,7	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14153006	HỒ NGUYỄN VĂN CẢNH	DH14CD	<i>Ho</i>	1	0,4	1,5	3,6	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13154008	VÕ THANH DUY	DH13OT	<i>Vo</i>	1	0,2	1,5	2,4	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14154011	NGUYỄN PHÁT ĐẠT	DH14OT	<i>Pha</i>	1	0,8	1,4	1,2	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14153012	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	DH14CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14154087	PHẠM TẤN ĐẠT	DH14OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13153006	NGUYỄN TAM ĐỨC	DH13CD	<i>Nh</i>	1	1,2	1,7	4,1	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14115025	PHẠM THANH HÀ	DH14GN	<i>Phu</i>	1	1,6	1,7	5,7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154190	DƯƠNG MINH HẢI	DH13OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118132	NGUYỄN VĂN HẢI	DH13CK	<i>Nh</i>	1	0,5	1,5	3,6	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14115029	LÊ THỊ HẬU	DH14CB	<i>Lh</i>	1	0,1	1,4	3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14154018	TRẦN BÀ HIỀN	DH14OT	<i>Tran</i>	1	0,8	1,6	1	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13153096	DƯƠNG ĐỨC HIẾU	DH13CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD105 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	14154019	LÊ MINH	HIỆU	DH14OT	<i>me</i>	1	1,2	1,5	3	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	14154097	HOÀNG VĂN	HÒA	DH14OT	<i>Hoa</i>	1	1	1,4	3,9	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	13138079	NGUYỄN TRẦN MINH	HOÀNG	DH13TD	<i>Minh</i>	1	0,3	0,8	3,6	4,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	13118019	VŨ XUÂN	HOÀNG	DH13CC	<i>Xuan</i>	1	0,4	1,3	4,0	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	14154103	NGUYỄN PHI	HÙNG	DH14OT	<i>Hung</i>	1	0	0,9	2,4	3,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	13334078	BIÊN-NGÔ SỸ	HUY	CD13CI							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	13334081	NGUYỄN BÁ	HUY	CD13CI	<i>Ba</i>	1	0	0,8	1,8	2,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	14154100	NGUYỄN ĐỨC	HUY	DH14OT	<i>Duc</i>	1	0,4	1,2	2,4	4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	14115317	LÊ THỊ	HUYỀN	DH14GB	<i>Huyen</i>	1	0,3	1,5	1,8	3,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	13154131	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	DH13OT	<i>Nguyen</i>	1	1,2	1,6	3,6	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	12344198	CAI TRUNG	KIỆT	CD12CI	<i>Kat</i>	1	0	0,4	3	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	14153024	NGÔ TƯỜNG	LÂM	DH14CD							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	14153025	PHẠM THANH	LÂM	DH14CD	<i>Thanh</i>	1	0,4	1,5	4,2	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	14114372	LÊ THỊ MỸ	LINH	DH14CB	<i>My</i>	1	0,4	1,6	3,9	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
33	14138018	NGUYỄN HOÀNG	LONG	DH14TD	<i>Long</i>	1	0,1	1,4	1,2	2,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	14153028	BÙI VŨ	LUÂN	DH14CD	<i>Bui</i>	1	0,4	1,5	4,2	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	14115068	NGUYỄN VĂN CHIÊU	LUÂN	DH14GN	<i>Chieu</i>	1	1,6	1,8	4,6	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	13115270	TRƯƠNG CÔNG	LUÂN	DH13CB	<i>Truong</i>	1	1	1,4	2,7	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02

Tổ : 001

Trang 3/2

Mã nhận dạng 01565

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD105 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	14154036	HÀ THẾ LƯỢNG	DH140T		1	0,8	0,9	2,4	4,1	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

Số lượng vắng: 6

Hiện diện: : 31

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phan Quang Thang

Nguyễn Nam An

TS. Lê Thị Loan

PGS.TS. Trần Thị Thanh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD106 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14154119	NGUYỄN VĂN MINH	DH14OT	<i>Minh</i>		1	1,2	4,8	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14115342	BÙI THẾ MỸ	DH14CB	<i>Mỹ</i>		0	0	2,1	2,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13153015	CHU HOÀI NAM	DH13CD	<i>Hoài Nam</i>		0,2	1,7	3	4,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14153031	LÊ NHẬT NAM	DH14CD	<i>Nam</i>		0,4	1,5	3	4,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13153155	NGUYỄN HOÀI NAM	DH13CD	<i>Hoài Nam</i>		0,8	1,3	3	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13116214	TRẦN HOÀI NAM	DH13CK							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14115078	NGUYỄN THỊ TUYẾT	DH14GN	<i>Tuyết</i>		0,7	1,6	4,2	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13154149	VÕ TẤN	DH13OT	<i>Tấn</i>		0,4	1,4	4,3	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14153033	NGUYỄN SĨ ĐẠI	DH14CD	<i>Sĩ Đại</i>		0,3	1,1	1,8	3,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14115081	PHAN THỊ KIM NGÂN	DH14GB	<i>Kim Ngân</i>		0,8	1,3	1,2	3,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13153016	NGUYỄN MINH NGỌC	DH13CD	<i>Minh Ngọc</i>		0,2	1,5	3	4,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14115084	NGUYỄN THỊ BÉ	DH14CB	<i>Bé</i>		2	1,8	5	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14153039	NGUYỄN VĂN NHÂN	DH14CD	<i>Nam</i>		1,9	1,5	5,1	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11154046	NGUYỄN TRỌNG NHƠN	DH11OT	<i>Trọng Nhơn</i>		1	1,3	3,3	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14154041	VŨ VĂN PHÁT	DH14OT	<i>Phát</i>		0,6	1,1	3	4,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14138026	NGUYỄN THANH QUANG	DH14TD	<i>Quang</i>		0,4	1,4	2,4	4,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13154048	PHẠM HỮU QUÍ	DH13OT	<i>Hữu Quý</i>		1,4	1,6	2	5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14115109	HUỖNH DUY TÂN	DH14GN	<i>Duy Tân</i>		0	1,4	2,1	3,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD106 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên,	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12334193	VŨ DỨC	THIỆN	CD13CI						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14115380	VŨ DỨC	THỊNH	DH14GN	thi	0,4	1,3	2,7	4,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14115127	ĐOÀN THỊ	THÚY	DH14GB	Thuy	1	1,5	4	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14115452	NGUYỄN DƯƠNG MINH	THỦY	DH14GN	Thuy	1,4	1,3	3,6	6,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14115249	PHAN THỊ	THÚY	DH14GN	Thuy	1,8	1,8	4	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14115385	PHAN THỊ THU	THỦY	DH14GN	Thu	1,8	0,6	0,6	3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14115252	VŨ THỊ THÁI HÒA	TIỀN	DH14CB	tiền	0,4	1,5	4,5	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14115440	LÊ THỊ MAI	TRÂM	DH14GN	Tram	0,2	1,6	3,6	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	14115142	HUYỀNH NGỌC CÔNG	TRÍ	DH14GN	Tri	0,1	1,2	1	2,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14115262	TRẦN HÀ ĐÌNH	TRỌNG	DH14GN	Long	0,4	1,1	3	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14115263	LÊ ANH	TRUNG	DH14GN	Phu	0,6	1,2	0	1,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12344139	NGUYỄN BÀ	TRUNG	CD12CI						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13115128	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	TRUNG	DH13CB	Hoang	0,4	1,5	3,1	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13154194	NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	DH13OT	Truong	1	1,5	3,6	6,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13153256	LÊ XUÂN	TUẤN	DH13CD	Phu	0,5	1,7	5,2	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	14153058	NGUYỄN VĂN	TUẤN	DH14CD	Van	0	1,3	2,4	3,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	14115266	PHAN THỊ BĂNG	TUYỀN	DH14CB	Phu	1,8	1,6	2,7	6,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	14115416	TRẦN THỊ	UYÊN	DH14CB	Thuy	0,8	1,3	2,4	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14153065	LÊ NGỌC AN	DH14CD	<i>Ch</i>	1	1,5	4,2	6,7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14153003	NGUYỄN CHÍ BẢO	DH14CD	<i>Ch</i>	0,2	1,4	2,4	4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14115285	NGUYỄN PHÚC BẢO	DH14CB	<i>B</i>	0	1,1	0,5	1,6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14153005	VÕ ĐỨC BÂY	DH14CD	<i>B</i>	0,5	1,4	3,4	5,3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13115160	TRẦN THANH CẨM	DH13GN	<i>C</i>	0,4	1,2	1,2	2,8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13115162	NGÔ NGỌC BÍCH CHÂU	DH13GB	<i>Ch</i>	0,5	1,4	1,5	3,4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14115008	NGUYỄN NGỌC CHI	DH14GN	<i>Chi</i>	1,3	1	0,6	2,9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14154073	LÊ KIM CHIÊN	DH14OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14153007	PHẠM HÒA CHÍNH	DH14CD	<i>Ch</i>	0,2	1,3	4,5	6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118007	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	DH13CK							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13115010	TRẦN NGUYỄN PHÚ CƯỜNG	DH13CB	<i>C</i>	0,4	0,9	3	4,3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14153071	THÁI ANH DŨNG	DH14CD	<i>D</i>	1	0,7	2,7	4,4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13137032	ĐỖ VĂN DUY	DH13NL	<i>D</i>	1,2	1,6	3,6	6,4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14115294	NGUYỄN THÁI THANH DUY	DH14GN	<i>D</i>	1,2	1,7	5,6	8,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14153010	TRẦN VŨ ANH DUY	DH14CD	<i>D</i>	0,4	1	1,2	2,6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14154010	NGUYỄN VĂN ĐÀN	DH14OT	<i>D</i>	1,2	1,4	4,2	6,8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14153011	CHÂU KHÁNH ĐẠT	DH14CD	<i>D</i>	0,5	1,6	3,6	5,7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13118010	LÊ TIẾN ĐẠT	DH13CK	<i>D</i>	0,8	1,4	2,4	4,6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12344039	NGUYỄN QUANG ĐỨC	ED12CE							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14154016	TRẦN THANH TÚ	EM	Trần		1	1,5	4,2	6,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14115184	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	Phu		1,1	1,5	3,6	6,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13138064	TRẦN VĂN	HẠNH							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14115185	NGUYỄN THỊ THANH	HÀNG	Phu		1	4,7	5,3	8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14115308	TRẦN THỊ	HẢO	hac		1	1,4	2,7	5,1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14153080	LÊ KHOA	HẬU	th		0,7	1,5	3,6	5,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14115033	BÙI MINH	HIẾN	Hu		0,8	0,9	2,7	4,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	14153086	NGUYỄN XUÂN	HOÀI	-		1,6	1,4	3	6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14153016	TRẦN DƯƠNG	HOÀN	Hoan		1,7	1,7	4,6	8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14154021	NÔNG QUỐC	HOÀN	Hoan		1,4	1,4	0,6	3,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	14153088	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	Hoang		0,6	1,5	1,8	3,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	14115041	TRƯƠNG VĂN	HOÀNG	Hoang		0,8	1,6	3,6	6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	14115044	NGUYỄN THỊ THANH	HỒNG	Thi		0,8	1,7	3	5,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	14115045	PHẠM HỒNG	HUỆ	Phu		1	1,5	3	5,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	14115432	TÔ THỊ	HUỆ	Hue		1,2	1,5	3,6	6,3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13115231	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	Thi		0,2	1,6	3,9	5,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13153122	TRẦN ĐỨC	HỮU							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	14154027	CAO HOÀNG KHANH	DH14OT	<i>le</i>		0,6	1,3	1,8	3,17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	14153096	HUỖNH DUY KHÁNH	DH14CD	<i>K</i>		0,4	1,4	3,6	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	14115054	HỒ NGỌC KHOA	DH14CB	<i>K</i>		0,3	1,5	3	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13153132	NGUYỄN DUY KHƯƠNG	DH13CD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	14153021	MAI THẾ KIẾT	DH14CD	<i>mai</i>		1,5	1,5	4,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	14153022	TRẦN TUẤN KIẾT	DH14CD	<i>le</i>		1	1,5	3	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13118193	TRẦN NGỌC LẬP	DH13CC							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	14115436	TRẦN THỊ LỆ	DH14GN	<i>le</i>		1,7	1,6	3,9	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	14115333	PHAN THÚY LOAN	DH14GN	<i>Loan</i>		0,4	1,5	3	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	14154031	ĐẶNG VĂN LONG	DH14OT	<i>Sing</i>		0,3	1,5	5,7	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13154145	HUỖNH NGỌC LỢI	DH13OT	<i>le</i>		0,4	1,4	3,9	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13334113	MAI VĨNH LỢI	CD13CI							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	14115056	NGUYỄN NGỌC LỢI	DH14GN	<i>le</i>		1	1,8	4,2	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	14115067	NGUYỄN HỮU LUÂN	DH14GN	<i>le</i>		0	0,8	3,6	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13138113	PHẠM HỮU LUÂN	DH13TD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12344127	VŨ TÁ MẠNH	CD12CI							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	14154037	HOÀNG VĂN NAM	DH14OT	<i>cras</i>		0,4	1,3	1,8	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	13115298	HỒ ĐOÀN KHÔI NGUYỄN	DH13GN	<i>le</i>		1,1	1,8	3,6	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	13118221	VÕ VĂN NGUYỄN	DH13CK	Nguyễn		0,4	4,2	2,0	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	14153037	LÊ TRUNG NHÂN	DH14CD	Trần		0,4	1,6	2,1	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	13153164	LƯU NGỌC NHÂN	DH13CD	ml		0	0,9	3,1	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	14153038	LƯU THẾ NHÂN	DH14CD	cd		0,6	1,3	5,1	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12115146	VÕ THỊ XUÂN NHÂN	DH12GB	nh		0	0,6	0	0,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	14153109	NGUYỄN HIỆP DUY NHẬT	DH14CD	Nhân		0,5	1,4	1,2	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	14115215	PHẠM TRẦN TRÚC NHI	DH14GN	Nhi		1,7	1	2,1	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	14115450	LÊ THANH PHONG	DH14CB	le		0,4	1,4	1	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	13153172	NGUYỄN TIẾN PHONG	DH13CD	Phong		0	0,8	0,6	1,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	14153044	BÙI ĐỨC PHƯƠNG	DH14CD	Đức		1,4	1,4	4,5	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	13118041	LÊ MINH PHƯƠNG	DH13CK	le		0,7	1,5	4,2	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	13115084	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	DH13GB	Phong		0,8	0,8	1	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	14154043	NGUYỄN THANH QUÂN	DH14OT	Qua		1,9	1,5	2,7	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	13153032	NGUYỄN QUANG QUÂN	DH13CD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	14115097	BÙI VĂN QUỐC	DH14GN	Quốc		1,2	1,7	4,8	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	13154165	NGUYỄN DUY QUYỀN	DH13OT	Quy		0,8	0,7	3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	14153045	VÕ XUÂN QUỲNH	DH14CD	quy		1	1,5	0,6	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	14154048	NGUYỄN VĂN SỰ	DH14OT	Sự		2	1,5	2,5	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03

Tổ : 001

Trang 5/2

Mã nhận dạng 01567

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
73	14115228	NGÔ THỊ THU	SƯƠNG	Sương		0,8	1,4	1,2	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	14153049	NGUYỄN THANH	TÂM	Thanh		0,8	1,1	1,2	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	14153118	PHAN THƯƠNG HOÀI L	TÂM	Tâm		1	1,4	3	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	14115372	NGUYỄN VĂN	THẠCH	Thanh		0	1,4	1,8	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	14153123	ĐỖ HỒNG	THÁI	Thái		0,3	1,2	2,4	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	14153125	LƯU ĐỨC	THÁI	Đức		0,6	1,2	3,2	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	13115098	ĐOÀN THỊ THU	THANH	Thanh		0,5	1,7	2	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	12153134	HUỖNH TUẤN	THANH							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 12 Hiện diện: 68

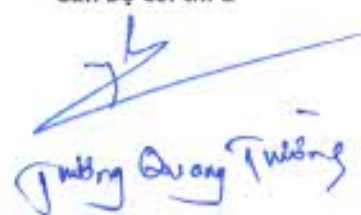
Cán bộ coi thi 1

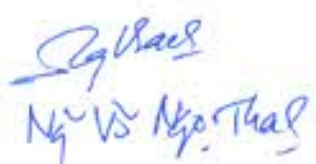
Cán bộ coi thi 2

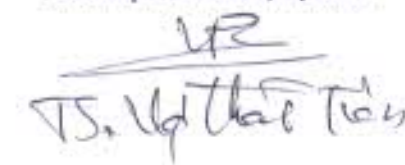
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Dương Quang Tường


Nguyễn Văn Ngọc Thái


TS. Vũ Văn Tiến


Trần Thị Thanh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD201 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14115235	PHAN TRUNG THANH	DH14CB	Thanh		1,2	1,4	3,6	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14115238	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	THẢO	DH14GN						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14115240	VŨ THỊ NGỌC	THẨM	DH14GB						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13115387	TRẦN XUÂN	THẮNG	DH13GN	Thắng	0,4	0,7	1,2	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14153129	PHẠM HOÀNG	THÂN	DH14CD	Hân	1	1	1,2	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13137135	TRẦN HOÀNG	THIÊN	DH13NL	Thiên	0,8	1,4	2,7	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13115393	LÊ VĂN	THỊNH	DH13CB	Thinh	0,4	1,4	2,4	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14153050	NGUYỄN PHÚ	THỊNH	DH14CD	Thinh	0,4	1,4	1,2	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14153051	NGUYỄN VĂN NGỌC	THUẬN	DH14CD						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14153052	PHAN MINH	THUẬN	DH14CD	Minh	0,5	1,6	3	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14115383	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	DH14GB	Thuy	0,7	1,6	2,4	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14115387	HỒ THỊ NGỌC	THÚY	DH14GN	Thuy	0,4	1,5	2,8	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14115247	TRẦN THỊ CẨM	THÚY	DH14GN	Thuy	0,4	1,5	1,8	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14154059	PHẠM VĂN	THỨC	DH14OT						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14115253	LÊ VĂN	TỈNH	DH14GN	Thinh	0,8	1,7	3,6	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14153053	NGUYỄN VĂN	TỈNH	DH14CD	Thinh	1	1,5	4,5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13334216	PHẠM VĂN	TOÀN	CD13CI	Toan	1,6	1,6	1,2	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14115138	TRẦN THỊ THU	TRANG	DH14GN	Thang	1	1,4	2,7	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD201 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	14153054	ĐINH NGỌC	TRẦN	DH14CD	<i>Me</i>	0,4	1,5	2,4	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14153137	PHẠM NGỌC	TRÍ	DH14CD	<i>Phu</i>	0,8	1,2	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14115260	TRẦN THỊ LÊ	TRINH	DH14GB	<i>Trinh</i>	1,5	1,5	2,4	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14115405	NGUYỄN HUỖNH THY	TRÚC	DH14CB						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14115454	HỒ HOÀNG	TRUNG	DH14CB	<i>Hy</i>	0,4	1,2	4,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14115406	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	DH14GN	<i>Long</i>	0,2	0,9	1,2	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14153139	LÊ VĂN	TRƯỜNG	DH14CD	<i>Quang</i>	0,8	1,4	1,8	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14115254	TRẦN ANH	TUẤN	DH14GB						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13153251	TRƯƠNG VĂN	TUY	DH13CB						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14115267	CA THỊ KIM	TUYẾN	DH14GN	<i>Nguyen</i>	1,1	1,5	3	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13154204	TRẦN PHƯỚC	TUÔNG	DH13OT	<i>Long</i>	0,8	1,2	1,2	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	14153060	NGUYỄN CÔNG	TUÔNG	DH14CD	<i>Tuong</i>	0,4	1,4	1,8	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngô Duy Khoa

Phạm Duy Lâm

Trần Thị Thanh

Trần Thị Thanh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD301 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
+	1	14138037 HỒ MÃNH A	DH14TD	<i>Hand</i>		9	2,7	68	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
-	2	14115160 LÊ VĂN ẮN	DH14CB							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
	3	14115287 TRẦN CÔNG BÌNH	DH14GN	<i>B</i>		9	3,2	4,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
+	4	14138036 NGUYỄN HỮU NGUYỄN CHUƠNG	DH14TD	<i>Chu</i>		10	6	6,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
	5	14138002 NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	DH14TD	<i>Cường</i>		9	8,8	8,8	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
+	6	14138003 VÒNG CƯỜNG	DH14TD	<i>V</i>		10	7	3	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
+	7	14138042 TÔ ĐÌNH DẪN	DH14TD	<i>Tô</i>		10	8	6,5	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
+	8	12118019 HỒ TÂN DUY	DH12CK	<i>Duy</i>		8	0,9	1,0	1,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
	9	12344028 NGUYỄN LÊ NHẬT DUY	CD12CI	<i>Duy</i>		9	2,4	0,5	1,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
-	10	14138007 SẴM VĂN ĐẠO	DH14TD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
+	11	14138047 LƯƠNG HỒNG ĐÔNG	DH14TD	<i>Lương</i>		10	6,3	2,5	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
	12	14138008 LÊ VĂN ĐÔNG	DH14TD	<i>Đông</i>		8	6,8	8,3	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
	13	14153013 NGUYỄN SƠN HÀ	DH14CD	<i>HL</i>		10	5,3	6,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
	14	14153014 HỒ ĐỨC HẢI	DH14CD	<i>HL</i>		10	2,8	1,5	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
+	15	14154017 LÊ MINH HẢI	DH14OT	<i>LE</i>		7	4,3	5,5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
+	16	14138048 NGUYỄN HỮU HẢI	DH14TD	<i>HL</i>		10	7,8	4,6	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
	17	12153065 TRẦN VĂN HÀNH	DH12CD	<i>HL</i>		8	3,1	1,8	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
	18	14154091 NGUYỄN VĂN HẠNH	DH14OT	<i>HL</i>		7	4,4	2,0	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD301 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12344049	NGUYỄN PHÚC HẬU	CD12CI			10	48	5,5	5,7	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14115311	LÊ THỊ HIỀN	DH14GB			9	5,7	4,3	5,2	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14153084	LƯƠNG THIÊN TÀI	DH14CD							Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13334067	PHAN DUY HIẾU	CD13CI							Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14154020	VŨ ANH	DH14OT			9	4,7	5,8	5,8	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14115313	LÊ MINH HIỆU	DH14GB							Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 05

Hiện diện: 19

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Vương Đình Bình

Lê Quang Trí

TS. Lê Thanh Tâm

Th.S. Nguyễn Thị Kiều Hạnh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD302 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10 %)	Đ 2 (50 %)	Điểm thi 6/10	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14115190	LÝ MINH	HÒA	DH14CB	<i>[Signature]</i>	9	2,4	1,3	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118141	TRINH VĂN	HOÀN	DH13CK	✓					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14138011	NGUYỄN CHÁNH	HOÀNG	DH14TD	<i>[Signature]</i>	10	6	7	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14138012	NGUYỄN DUY	HOÀNG	DH14TD	<i>[Signature]</i>	10	3,3	5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153175	LƯU GIA	HUÂN	DH12CD	<i>[Signature]</i>	7	2,3	6,3	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13137167	NGUYỄN THÀNH	HƯNG	DH13NL	<i>[Signature]</i>	9	4,9	4,0	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14115196	HUỖNH THỊ THU	HƯƠNG	DH14CB	✓					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13154127	VÕ QUỐC	KHÁI	DH13OT	<i>[Signature]</i>	8	4,5	1,0	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14138058	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	DH14TD	<i>[Signature]</i>	10	8,2	5,0	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14138061	NGUYỄN ĐỖ HÙNG	LÂM	DH14TD	<i>[Signature]</i>	9	6,8	8,0	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118194	LÊ HOÀNG	LÊ	DH13CC	<i>[Signature]</i>	10	8,5	9,3	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138008	PHAN XUÂN	LIÊM	DH13TD	<i>[Signature]</i>	10	5,1	6,3	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12344075	TRẦN XUÂN	LIÊN	CD12CI	<i>[Signature]</i>	8	4,3	6,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13138009	NGUYỄN KIM HẢI	LONG	DH13TD	<i>[Signature]</i>	9	4,2	5,8	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14138019	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	DH14TD	<i>[Signature]</i>	10	4,9	1,5	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14115199	ĐỖ DƯƠNG ANH	LY	DH14CB	<i>[Signature]</i>	10	7,8	5,0	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14153030	TRẦN LỘC	MINH	DH14CD	<i>[Signature]</i>	8	3,7	3	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14153103	NGUYỄN ĐỨC	NAM	DH14CD	<i>[Signature]</i>	8	4	6,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD302 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi 80%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	14138068	VÕ LÊ HOÀI	NAM	DH14TD	Tram	9	1,5	1,0	2,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14153035	ĐẶNG THÀNH	NGHĨA	DH14CD	V					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14138070	LÊ THÀNH	NGHĨA	DH14TD	Tram	9	8,5	9,3	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12138044	PHẠM PHÚC	NHA	DH12TD	Tram	9	3,6	3	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14153107	ĐÌNH NHƯ	NHÂN	DH14CD	Nhan	7	3,1	6,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14138073	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	DH14TD	Tram	10	8,2	8,8	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Tram
Lê Văn Ban

Tram
Bùi Công Hào

Tram
TS. Lê Thanh Trúc

Tram
ThS. Nguyễn Thị Kiều Hào

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD303 Nhóm : 05 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14115093	LÊ THỊ KIM	OANH	DH14CB	<i>[Signature]</i>	10	7,3	8	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14138022	BÙI THANH	PHONG	DH14TD	<i>[Signature]</i>	10	6	15	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14138024	PHƯƠNG HOÀNG	PHÚC	DH14TD						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14138078	VÕ ĐẠI	PHƯỚC	DH14TD	<i>[Signature]</i>	10	7,8	5,0	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14115224	TRẦN HOÀI	PHƯƠNG	DH14GN	<i>[Signature]</i>	9	4,9	4,6	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14138028	PHAN VĂN	SỸ	DH14TD	<i>[Signature]</i>	10	6,3	8,9	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14115230	ĐẶNG HỮU	TÀI	DH14CB	<i>[Signature]</i>	9	5,7	8,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14138085	LÊ HỮU	TÀI	DH14TD						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14154139	LÊ TẤN	TÀI	DH14OT	<i>[Signature]</i>	10	3,5	1	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14114399	VÕ NGUYỄN HUY	TÂM	DH14GN	<i>[Signature]</i>	7	2,2	0,5	1,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13334179	PHAN VĂN	THÀNH	CD13CI	<i>[Signature]</i>	cấm thi				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14115239	PHẠM THỊ THU	THẢO	DH14GN	<i>[Signature]</i>	9	6	5,3	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14154056	NGUYỄN PHÚC	THỊNH	DH14OT						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14153134	NGUYỄN THANH	THUẬN	DH14CD	<i>[Signature]</i>	9	4,8	5,1	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13334208	NGUYỄN MANH TRẦN	TIẾN	CD13CI						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14138032	LÂM VĂN	TIẾN	DH14TD	<i>[Signature]</i>	10	7,5	4	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13153229	LÊ QUYẾT	TIẾN	DH13CD	<i>[Signature]</i>	10	5	2	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14138100	NGUYỄN VĂN	TỈNH	DH14TD	<i>[Signature]</i>	10	8	4,8	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật-207108

Ngày Thi : 19/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD303 Nhóm : 05 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	14138104	PHAN VĂN TOÀN	DH14TD	<i>Phan</i>	7	63	9,0	8,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14115137	DƯƠNG XUÂN TÔN	DH14CB	<i>Tôn</i>	7	69	2	2,2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14115398	NGUYỄN NHỰT THÙY	DH14CB	<i>Thuy</i>	10	8	5,6	6,7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14138106	NGUYỄN TRỌNG TRÍ	DH14TD	<i>Trí</i>	10	54	6,5	6,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14115261	HUYỄN MINH TRỌNG	DH14CB	<i>Minh</i>	9	9	9,1	9,1		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14153138	PHAN VĂN TRỌNG	DH14CD	<i>Phan</i>	9	33	1,5	2,8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13115131	NGUYỄN TRUNG THỊ	DH13GN	<i>Thị</i>	7	43	1,5	2,9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14138109	NGUYỄN THÁI TRƯỜNG	DH14TD	<i>Trường</i>	8	53	8,5	7,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13115451	LÊ VĂN TUẤN	DH13CB	<i>Tuan</i>	10	62	1,5	3,7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14153140	NGUYỄN MẠNH TUẤN	DH14CD	<i>Tuan</i>	6	38	7,5	6,2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14153143	NGUYỄN THANH TÙNG	DH14CD	<i>Tung</i>	8	2	2,5	2,9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13334249	NGUYỄN TẤN VINH	CD13CI							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	14115446	NGUYỄN THỊ NGỌC XINH	DH14GN	<i>Xinh</i>	8	4,1	5	5,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	14115277	NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN	DH14CB	<i>Yen</i>	9	8,5	5,5	6,8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 05 Hiện diện: 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Tuấn
Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Văn Tuấn
Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Văn Tuấn
Xác nhận của khoa/bộ môn

Nguyễn Thị Kiều Hằng
Cán bộ chấm thi 1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD103 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13115154	PHAN THỊ THÚY	ÁI	DH13CB	Thuy	6	8	3,5	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13154002	BÙI TUẤN	ANH	DH13OT	Tuan	6	8	0	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118074	VÕ ĐĂNG PHẠM	ANH	DH13CC	Pham	5	10	4	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138027	BÙI MINH	BÁO	DH13TD						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154075	NGUYỄN HỒNG	BÁO	DH13OT	Hong	6	10	5,5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13154081	LÊ NGỌC	CHÂU	DH13OT	Chau	5	10	3,5	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118089	BÙI THANH	CƯỜNG	DH13CC	Thanh	6	10	1,5	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13154090	VŨ VĂN	CƯỜNG	DH13OT	Vu	8	10	7	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13115172	NGUYỄN HỒNG	DIỆM	DH13CB	Hong	5	8	1	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118100	TRỊNH NGUYỄN MINH	DUY	DH13CC	Duy	6	10	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154091	NGUYỄN ĐÌNH	DƯƠNG	DH13OT	Dinh	6,5	10	5,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118114	TRẦN MINH	ĐẠT	DH13CC	Minh	8	10	3	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13154012	NGUYỄN VĂN	DIỄN	DH13OT	Van	6	8	2,5	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154095	NGUYỄN HỮU	ĐOÀN	DH13OT	Huu	4	10	7,5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13138050	HỒ ANH	ĐỨC	DH13TD	Anh	7	10	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13115194	TRẦN THIÊN	ĐỨC	DH13CB	Thien	4	10	6	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118120	TRẦN CƯ	ĐƯỢC	DH13CC	Cu	4	10	8	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13115032	TIÊU THỊ	HẬU	DH13CB	Thieu	5	10	4	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD103 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phân nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13154018	HỒ THANH	HẾT	DH13OT	6	10	4	5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13334070	THÁI MINH	HIỆP	CD13CI	9	10	3,5	5,2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13154020	ĐÀU NGỌC	HIẾU	DH13OT	6	10	1,5	3,2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118146	NGUYỄN QUỐC	HÒA	DH13CC	7,5	10	4,5	5,6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13154122	ĐỖ THANH	HÙNG	DH13OT						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118168	PHẠM VĂN	HÙNG	DH13CC	Hùng	8	10	1	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12115291	VĂN NGỌC MỸ	HUYỀN	DH12GN	6	10	2,5	3,9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13334090	TRẦN DUY	HƯNG	CD13CI						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13154125	TRẦN KHÁI	HƯNG	DH13OT	7	10	6,5	6,9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13138090	HÀ VĂN	HƯƠNG	DH13TD	5	10	7	6,9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118176	LÊ ĐÌNH	KHÁ	DH13CK	5	10	6,5	6,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13118022	TRẦN ANH	KIỆT	DH13CC	6	10	5,5	6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13334106	NGUYỄN VĂN	LÂN	CD13CI	3	8	3	3,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13154139	NGUYỄN ĐỨC	LINH	DH13OT	9	10	7	7,7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13118026	NGUYỄN HOÀNG	LINH	DH13CC	7	10	7	7,3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12344078	TRẦN ĐỨC	LONG	CD12CI						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13154142	CA THANH	LỘC	DH13OT	6,5	10	8	7,9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13154145	HUỖNH NGỌC	LỢI	DH13OT	6	10	6,5	6,7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD103 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13115271	ĐẶNG HOÀNG	LUÔNG	DH13CB	Lương	6	10	4,5	5,3	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13115272	NGUYỄN THỊ KIM	LUYỄN	DH13CB	Luyện	6	8	4	4,8	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13154037	NGUYỄN VĂN	NAM	DH13OT	Nam	6,5	10	6,5	6,8	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13118220	NGUYỄN NGỌC	NGUYỄN	DH13CC	Ngô	4	10	5	5,3	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 04 Hiện diện: 36

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Bá Sinh

Lê Quang Trí

Nguyễn Thị Bích

Vương Đình Bằng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD104 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13118034	NGUYỄN MINH NHÂN	DH13CC	<i>Minh</i>		7	10	1,5	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13137100	ĐÌNH MAI	DH13NL	<i>Minh</i>		6	10	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118037	NGUYỄN NHƯT	DH13CC	<i>Minh</i>		7,5	10	4,5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13334138	ĐÌNH VĂN PHI	CD13CI	<i>Phi</i>		8	10	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154042	NGUYỄN VĂN PHI	DH13OT	<i>Phi</i>		9	10	8	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118038	TRẦN CẢNH PHÚ	DH13CC	<i>Phu</i>		7,5	10	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13154046	VĂN VŨ HOÀNG PHÚC	DH13OT	<i>Phu</i>		8,5	10	7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118040	NGUYỄN VĂN PHỤNG	DH13CX	<i>Phu</i>		7	10	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13115338	LÊ HỒNG PHƯỚC	DH13GN	<i>Phu</i>		0	0	7	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13115345	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	DH13CB	<i>Quang</i>		0	0	1	0,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154161	THƯỢNG MINH QUANG	DH13OT	<i>Quang</i>		5	10	1,5	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154164	TRẦN XUÂN QUANG	DH12OT	<i>Quang</i>	V V					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118250	BẠCH ĐÌNH QUYẾT	DH13CC	<i>Quyet</i>		7	10	1	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13115358	ĐÀO THỊ KIM SANG	DH13CB	<i>Sang</i>		8	10	8	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118045	NGUYỄN VĂN SANG	DH13CX	<i>Sang</i>		8	10	4,5	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13138173	TRẦN VŨ SANG	DH13TD	<i>Sang</i>		7	10	5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13334161	ĐẶNG CHIÊU SINH	CD13CI	<i>Sinh</i>		4	10	9	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13154167	NGUYỄN TRẦN ANH SON	DH13OT	<i>Son</i>		5	10	4,5	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD104 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13118257	VŨ TUẤN	SƠN	DH13CC	Sơn	4	10	7,5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13114492	LÊ ĐỨC	TÂY	DH13CB	Đức	7	10	2	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13154177	ĐINH MAI BẮC	THÁI	DH13OT	Thái	6	6	1,5	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118284	LÂM VĂN	THIỆT	DH13CC	Văn	7	10	3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13115412	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	DH13CB	Anh	4	10	6,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13334209	PHẠM THÀNH	TIỀN	CD13CI	Thành	0	0	1,5	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118056	VŨ ĐỨC	TIẾN	DH13CC	Đức	6	10	4	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13154187	PHẠM TRUNG	TÍN	DH13OT	Trung	4	10	8,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13115422	LÊ VĂN CÔNG	TOẠI	DH13CB	✓ V					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13154062	HUỲNH QUANG	TRẠNG	DH13OT	Trang	5	10	1,5	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118313	ĐẶNG XUÂN	TRỌNG	DH13CX	Xuân	7	10	6,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13138232	TRẦN HỮU	TRỌNG	DH13TD	Hữu	0	0	0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13334227	PHẠM THANH	TRUNG	CD13CI	✓ V					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13115451	LÊ VĂN	TUẤN	DH13CB	Tuấn	4	10	7	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13115455	VƯƠNG VĂN	TUẤN	DH13GN	Tuấn	7	10	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13118343	PHẠM THANH	TÙNG	DH13CX	Thanh	5	10	7	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13115456	VŨ MINH PHƯƠNG	TUYỀN	DH13GN	Phương	7	10	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13115457	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	DH13CB	Thị	7	10	5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD104 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13118347	MAI HOÀI TỰU	DH13CC	<i>tw</i>		5	10	6,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12118117	NGUYỄN HUỲNH TÚ	DH12CC	<i>huly</i>		6	10	0,5	2,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13154068	PHẠM HIỂN	DH13OT	<i>huc</i>		6	10	5,5	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13118354	LÊ LƯƠNG TUẤN	DH13CC	<i>V</i>	<i>V</i>					(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 4 Hiện diện: 36

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Hồng Diệp

Phạm Minh Khôi

R. V. H. T. T. T.

W. D. B.

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD105 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (50%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13137015	PHẠM THÁI MINH	BẢO	DH13NL	V					0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13115157	NGUYỄN CÔNG	BIẾT	DH13CB	Act	7	10	7,5	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13137026	NGUYỄN MINH	CHÂU	DH13NL	Ch	5	10	8	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13334023	LÊ TUẤN	CHIẾN	CD13CI	chua	6	10	2,5	3,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13334025	VI VĂN	CHƯƠNG	CD13CI	Chua	3	10	7	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13115011	LÊ THỊ	DANH	DH13CB	Đan	6	10	7,5	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13137041	TRẦN NGỌC	DŨNG	DH13NL	Đuy	1	8	6,5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13137032	ĐỖ VĂN	DUY	DH13NL	Đuy	6	10	6	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12115282	NGUYỄN THANH	DUY	DH12GN	Đuy	8	10	3	4,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13137047	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	DH13NL	Đat	8	10	3	4,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13115024	NGUYỄN THANH	DIỆP	DH13CB	Điep	2	8	3	3,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154101	HỮA PHÚ	HẢI	DH13OT	Đu	4	10	4	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118015	VÕ ĐÌNH	HẢI	DH13CK	Hai	8	10	6	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13137052	HUYỄN TẤN	HẠNH	DH13NL	Hu	6	10	7	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13137054	NGÔ HỮU	HẦU	DH13NL	Hau	7	10	3	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13137055	NGUYỄN THANH	HIỀN	DH13NL	Hien	7,5	10	7,5	7,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13334061	NGUYỄN THẾ	HIỂN	CD13CI	Thi	6	10	5,5	6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13137058	MAI HOÀNG	HIỆP	DH13NL	Hi	6	10	7,5	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD105 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13118138	NGUYỄN VĂN HIẾU	DH13CC	Hiếu		7	10	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13137059	NGUYỄN NGỌC HOÀN	DH13NL	Hoàn		8	8	6,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154086	HUYỀN MINH	DH12OT	Huyền		5	8	5,5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13137167	NGUYỄN THÁNH HƯNG	DH13NL	Hưng		7	10	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13154127	VÕ QUỐC KHÁI	DH13OT	Quốc		5	10	5,5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118181	NGUYỄN VĂN KHÁNH	DH13CK	Khánh		9	8	5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118367	HUYỀN ĐĂNG KHOA	DH13CK	Đăng		7	10	3,5	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13138096	VÕ ANH KHOA	DH13TD	Anh		7	10	0	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13137080	LÊ THÀNH KHỐI	DH13NL	Thành		7	8	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13115252	VÕ THỊ THÚY KIỀU	DH13GB	Thúy		6,5	10	7	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118024	NGÔ MINH LAN	DH13CK	Minh		9	10	9	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13137083	CHU BÁ HOÀNG LÂM	DH13NL	Bách		5	8	4,5	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 4

Hiện diện: 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Vương Đình Bằng

Nguyễn Thanh Phong

T.S. Vũ Thị Hiền

Vương Đình Bằng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD106 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12115021	TRƯƠNG HỮU	NAM	DH12CB		6	10	1	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344172	TRỊNH HỮU	NGHĨA	CD12CI						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154041	PHẠM HOÀNG	NHU	DH13OT		5	10	6	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13137105	NGUYỄN THANH	PHONG	DH13NL		5	10	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13137109	BÙI VĂN	PHÚC	DH13NL		5	10	7	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13137111	NGUYỄN QUỐC	PHÚC	DH13NL		6,5	10	4	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13115489	HÀ THU	PHƯƠNG	DH13CB		7	10	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13154158	NGUYỄN HOÀI	PHƯƠNG	DH13OT		7	10	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13137112	NGUYỄN MINH	QUAN	DH13NL		5,5	10	5,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12138127	PHAN THANH	QUÍ	DH12TD		8	8	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118043	NGÔ THÀNH	QUỐC	DH13CC		5	10	5,5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154235	NGUYỄN ĐÌNH	QUÝ	DH12OT		10	10	2	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118046	KIM THÁI	SƠN	DH13CC		3	10	5	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13137119	NGUYỄN HẢI	SƠN	DH13NL		7	10	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13115361	NGUYỄN NGỌC	SƠN	DH13CB		7	10	5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13154050	NGÔ VĂN	SỰ	DH13OT		6	10	6,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13115094	NGUYỄN TRÍ	TÀI	DH13CB		6	10	4	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13137121	VỊ VĂN	TÀI	DH13NL		5,5	10	7	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD106 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (40%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13138183	VŨ MINH	TÂM	DH13TD		6	10	7,5	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13137130	LƯƠNG TẤN	THANH	DH13NL		5	10	7	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13137135	TRẦN HOÀNG	THIÊN	DH13NL		6	8	4,5	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13137147	PHẠM THẾ	TOÀN	DH13NL		7	8	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13137152	TRẦN ANH	TRÍ	DH13NL		5	10	5,5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13154063	TRẦN MINH	TRÍ	DH13OT		6	10	7	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13334219	NGUYỄN VĂN	TRIỀU	CD13CI		4,5	6	1	2,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13137154	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	DH13NL		7	10	6,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13137156	DƯƠNG MINH	TÚ	DH13NL		5	10	2,5	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13137158	NGUYỄN MINH	TÚ	DH13NL		7	8	2	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13115475	TRƯƠNG XUÂN	VINH	DH13CB		4	6	3,5	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13118360	ĐÀO THỊ HẢI	YẾN	DH13CC		6	10	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Công

Lê Văn Tuấn

TS. Nguyễn Tuấn

Vương Đình Bằng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03

Tổ : 001

Trang 1/2

Mã nhận dạng 01579

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD200 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13154072	LÊ ĐÌNH AN	DH13OT							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13334001	VÕ NGỌC AN	CD13CI	An		6	8	4	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154073	ĐẶNG TUẤN ANH	DH13OT	Đặng		6	10	0	2,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12344009	NGUYỄN NGỌC TUẤN ANH	CD12CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13137011	NGUYỄN THIÊN ẮN	DH13NL	Ắn		6	10	5,5	6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118080	NGUYỄN PHÚC BAO	DH13CC	B		8	10	6	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13154076	HUỲNH ĐỨC BÌNH	DH13OT	Đức Bình		8	10	7	7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13154078	NGUYỄN THÁI BÌNH	DH13OT	Thái Bình		5	10	5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13115158	NGUYỄN VĂN PHÚ BÌNH	DH13CB							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13154084	TRẦN XUÂN CHÂU	DH13OT	Chau		8	8	4,5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154005	LƯU CÔNG CHÍ	DH13OT	Lưu Công Chí		8	10	2	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154006	HOÀNG MINH CHUÔNG	DH13OT	Hoàng Minh Chuông		6	10	6,5	6,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13154007	NGUYỄN HUỲNH DUY	DH13OT	Nguyễn Huỳnh Duy		5	10	7,5	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12344028	NGUYỄN LÊ NHẬT DUY	CD12CI	Duy		7,5	10	3,5	4,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12344163	VĂN VĂN DƯ	CD12CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13154009	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	DH13OT	Duy		8	10	7	7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13138002	TRƯƠNG QUANG ĐÀI	DH13TD	Trương Quang Đài		7,5	10	9	8,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13115022	NGUYỄN HỒNG TẤN ĐẠT	DH13CB	Tấn Đạt		8,5	10	7	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD200 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13334253	TRẦN TIẾN	ĐẠT	Đạt		7	10	2	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13137048	NGUYỄN VĂN	ĐĂNG	Đ		3	8	0	1,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12344043	LƯƠNG QUỐC	ĐÔNG	Đ		6	10	2	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13334049	NGUYỄN HUY	ĐÔNG	Đ		9	10	2,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13115191	BÙI NGỌC	ĐỨC	Đ		6	10	5,5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13334050	NGUYỄN TÂN	ĐỨC	Đ		7	10	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12344040	TRẦN VIỆT	ĐỨC	Đ		6	6	1,5	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13154098	LÊ TRƯỜNG	GIANG	Đ		6	10	4	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13115200	NGUYỄN THỊ	HÀ	Đ		6	10	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13154104	LÊ HỮU	HẢI	Đ		6	10	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13137001	NGUYỄN DUY	HẬU	Đ		8	8	2,5	4,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13154106	PHAN VĂN	HẬU	Đ		5	10	7	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13154019	LÊ THỊ MINH	HIỀN	Đ		7	10	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13154108	ĐỖ MINH	HIẾU	Đ		8	10	3,5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13115232	CÁP HỮU	HÙNG	Đ		6	8	0	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13137068	LÊ VĂN	HÙNG	Đ		7	10	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13137069	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	Đ		7	10	8	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13154123	PHẠM	HÙNG	Đ		6	10	1,5	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD200 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13138083	NGUYỄN ĐỨC	HUY	DH13TD	<i>Huy</i>	9	10	7	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13115230	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	DH13GN	<i>Huyen</i>	7	10	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13137071	TÔ QUỐC	HƯNG	DH13NL						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13154024	LẠI THỊ	HƯƠNG	DH13OT	<i>Huong</i>	7	10	9	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11118010	SENG ALOUN	KASEUTH	DH11CC	<i>Amkase</i>	6	10	1	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13115247	NGUYỄN MẠNH	KHA	DH13GN	<i>Kha</i>	6	6	5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13154026	TRẦN VĂN	KHÁ	DH13OT	<i>JP</i>	6	10	6,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13118186	ĐÀO XUÂN	KHÔI	DH13CK	<i>De</i>	6	10	3,5	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13137081	VŨ ĐÌNH NGUYỄN	KHƯƠNG	DH13NL	<i>Khuong</i>	7,5	10	6,5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13138098	VŨ VĂN	KHƯƠNG	DH13TD	<i>Vu</i>	8	6	2	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13154029	HUYNH VŨ	KIỆT	DH13OT	<i>Kiet</i>	5	10	7,5	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13138008	PHAN XUÂN	LIÊM	DH13TD	<i>Lien</i>	7	10	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13118196	LÊ VĂN	LINH	DH13CC	<i>VanK</i>	7	10	4,5	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13115060	TRẦN KHÁNH	LINH	DH13CB	<i>Khánh</i>	7	10	4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13138009	NGUYỄN KIM HẢI	LONG	DH13TD	<i>Long</i>	7	10	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	13154141	NGUYỄN THÀNH	LONG	DH13OT	<i>Long</i>	8	10	4,5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	13154032	TRƯƠNG THÀNH	LONG	DH13OT	<i>Truong</i>	9	10	7	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	13154143	ĐÌNH TỬ	LỘC	DH13OT						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD200 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	13154144	ĐOÀN LỢI	DH13OT	<i>Đoàn Lợi</i>		6	10	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	13138117	NGUYỄN QUỐC MANH	DH13TD	<i>Quốc Mạnh</i>		6	10	1	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	13154035	CHÂU VĨNH	DH13OT	<i>Châu Vĩnh</i>		7,5	10	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	13154036	NGUYỄN HOÀNG MINH	DH13OT	<i>Minh</i>		6	10	7	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	13154149	VÕ TẤN	DH13OT	<i>Tấn</i>		7,5	10	7	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	13115291	TRƯƠNG THÀNH NGHỊ	DH13CB	<i>Thành Nghị</i>		6	10	7	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	13154039	NGUYỄN VĂN NGHĨA	DH13OT	<i>Nghĩa</i>		5	10	0	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	13137097	ĐẶNG NGUYỄN	DH13NL	<i>Đặng</i>		6	8	2	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	13115300	LÊ TRUNG NGUYỄN	DH13GN	<i>Trung Nguyễn</i>		6	10	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12154146	PHAN TRỌNG NHÂM	DH12OT	<i>Trọng Nhâm</i>		6	8	2,5	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12115146	VÕ THỊ XUÂN	DH12GB	<i>Xuân</i>		7	8	1	2,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	12344186	HUYỀN DUY PHÁT	CD12CI	<i>Huyền Phát</i>		7	8	1,5	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	13154043	NGUYỄN HỮU PHONG	DH13OT	<i>Hữu Phong</i>		7	10	8,5	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 6 Hiện diện: 61

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Kiệp

Sophia

T.S. Nguyễn Văn Tiến

Vũ Đình Bình

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD201 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13115324	TRẦN BẢO PHONG	DH13CB	<i>phong</i>		8	10	5,5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13137110	NGUYỄN MINH PHÚC	DH13NL	<i>phuc</i>		6	10	5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154045	TĂNG HỒNG PHÚC	DH13OT	<i>phuc</i>		7	8	3,5	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118240	HUỖNH HỮU PHƯỚC	DH13CC	<i>phuc</i>		7	10	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154048	PHẠM HỮU QUÍ	DH13OT	<i>quy</i>		7	10	6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13154163	ĐÀO TRẦN PHÚ	DH13OT	<i>phuc</i>		7	10	6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154008	NGUYỄN CHỨC QUYỀN	DH12OT	<i>quyen</i>		6	10	7	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13154165	NGUYỄN DUY QUYỀN	DH13OT	<i>quyen</i>		5	10	5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13138016	NGÔ TẤT SANG	DH13TD	<i>sang</i>		8	10	5,5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13154049	NGUYỄN VĂN SANG	DH13OT	<i>sang</i>		7	10	1	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154166	TRẦN VĂN SÁU	DH13OT	<i>sau</i>		9	10	7,5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13115092	NGÔ TẤN SĨ	DH13CB	<i>si</i>		7	10	1,5	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13154052	LÊ TRUNG TÁ	DH13OT	<i>ta</i>		7	10	6,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13115367	NGUYỄN ANH TÀI	DH13CB	<i>ta</i>		6	10	4,5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13154174	TRẦN DUY THẠNH	DH13OT	<i>thanh</i>		8	10	4,5	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13137128	PHẠM LÊ NGỌC THẢO	DH13NL	<i>thao</i>		6	10	3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154021	TRẦN VĂN THẮNG	DH12OT	<i>thang</i>		6	6	3	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13137131	LÊ HOÀNG THẮNG	DH13NL	<i>thang</i>		5	10	2	3,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD201 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13138208	NGUYỄN VĂN THIỆN	DH13TD			7	8	0	2,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	13154055	TRƯƠNG NGỌC THIÊN	DH13OT			8	10	6	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	13115393	LÊ VĂN THỊNH	DH13CB			7,5	10	6	6,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	13115394	NGUYỄN HỮU THỌ	DH13CB			6	10	4	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	13154060	NGUYỄN LÂM THUẬN	DH13OT			5	10	6,5	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	13115413	TRẦN ANH THƯ	DH13CB			3	8	1,5	2,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	13115115	VĂN THỊ HOÀNG	DH13CB			5	10	2	3,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 0 Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Khoa

Kiên & Đức

Trần Văn Khoa

Võ Đình Bằng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD202 Nhóm : 03 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (30%)	Đ 2 (60%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13154185	ĐINH NGỌC	THỨC	Đinh	1	8	8	3,5	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13115118	LÊ DUY	THỨC	Thức	1	3	10	5,5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154186	LỮ MINH	TIỀN	Lữ	1	7	10	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118365	TRẦN VĂN	TỊNH	Trần	1	6	10	6,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12344181	VĂN ĐỨC	TOÀN	Trần	1	5	10	0	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13115436	PHAN THỊ NGỌC	TRẦN	Phan	1	7	10	5,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13154188	NGUYỄN DUY	TRẦN	Nguyễn	1	6	10	2	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13115442	VÕ CÔNG	TRÌNH	Võ	1	6	10	1,5	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13334226	ĐẶNG	TRUNG	Đặng	1	4	8	1	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13137157	ĐOÀN NHẬT	TÚ	Đoàn	1	6	10	5,5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13334236	PHẠM MINH	TÚ	Phạm	1	8	10	1,5	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154198	LÊ ANH	TUẦN	Lê	1	7	10	6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118061	NGUYỄN DUY	TUẦN	Nguyễn	1	4	10	5,5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12344052	PHẠM CHÍ	TUẦN	Phạm	1	7,5	10	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13154201	TRẦN ANH	TUẦN	Trần	1	7	8	4,5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14115264	TRẦN ANH	TUẦN	Trần	1	7	8	4,5	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154241	NGUYỄN ĐỨC	TÙNG	Nguyễn	1	6	8	0	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13154204	TRẦN PHƯỚC	TUÔNG	Trần	1	4	10	2	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện-207109

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD202 Nhóm : 03 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13154205	NGUYỄN VĂN ỨT	DH13OT		1	7	10	5	5,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	13115135	DƯƠNG THU UYÊN	DH13CB		1	7	10	4	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	13154208	NGUYỄN THẾ VIÊN	DH13OT		1	5	10	7	6,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	13118065	LƯƠNG HOÀI VINH	DH13CC		1	6	10	7,5	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	13138021	TRẦN THANH VĨNH	DH13TD		1	7,5	10	4	5,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	13118066	NGUYỄN THẾ VŨ	DH13CC		1	6	10	6,5	6,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	13154069	NGUYỄN TUẤN VŨ	DH13OT		1	4	10	5	5,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	13154070	NGUYỄN VŨ HOÀNG	DH13OT		1	6	10	4,5	3,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 01 Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Duy Lam

LÊ QUANG HIỀN

Xác nhận của khoa/bộ môn

TS. Vũ Đức Tiến

Cán bộ chấm thi 1

Vương Đình Bằng

Cán bộ chấm thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử-207110

Ngày Thi : 10/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD305 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tử	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 50%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13154072	LÊ ĐÌNH AN	DH13OT		✓					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13334001	VŨ NGỌC AN	CD13CI	An		6	0	1	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13334005	LÊ THANH TỬ ANH	CD13CI	Anh		4	4	2	3,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13137008	VŨ TUẤN ANH	DH13NL	Tuấn		8	8	5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13334016	TRẦN THANH BÌNH	CD13CI	Bình		5	7	5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13154083	PHAN VĂN CHÂU	DH13OT		✓					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13153046	HUỖNH CÔNG CHÍNH	DH13CD	Chí		6	7	5	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13153003	PHẠM TRẦN ANH DUY	DH13CD	Phạm		0	8	0	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13137036	TRẦN KHÁNH DUY	DH13NL	Khánh		4	8	2	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13137037	TRẦN NGỌC DUY	DH13NL	Duy		6	7	4	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13137047	NGUYỄN THÁNH ĐẠT	DH13NL		✓					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13154012	NGUYỄN VĂN ĐIỀN	DH13OT	Ngô		7	7	4	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13154095	NGUYỄN HỮU ĐOÀN	DH13OT	Đoàn		7	3	5	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118011	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	DH13CK	Đức		3	10	7	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13154098	LÊ TRƯỜNG GIANG	DH13OT	Trường		7	3	3	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12115242	PHẠM THỊ THÚY HÀNG	DH12GB	Thúy		9	10	9	9,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13137002	NGUYỄN TẤN HẬU	DH13NL	Ngô		7	8	6	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13154019	LÊ THỊ MINH HIỀN	DH13OT	Minh		8	6	6	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử-207110

Ngày Thi : 10/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD305 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%) 25	Đ 2 (%) 25	Điểm thi 50%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13334061	NGUYỄN THẾ HIẾN	CD13CI	<i>Thế Hiến</i>		8	7	5	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12118036	TRẦN VĂN HIỆP	DH12CK	<i>Thy</i>		7	7	5	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13137065	HUỖNH NGUYỄN HÒA	DH13NL	<i>Huỳnh</i>		3	8	3	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13137059	NGUYỄN NGỌC HOAN	DH13NL	<i>✓</i>	✓					(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118152	BÙI VĂN HỢT	DH13CC	<i>B. Văn Hót</i>		4	8	5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13115232	CÁP HỮU HÙNG	DH13CB	<i>✓</i>	✓					(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13334079	ĐÌNH LÂM HUY	CD13CI	<i>Huy</i>		8	4	3	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12153082	PHẠM NGỌC ĐĂNG	DH12CD	<i>Phạm</i>		7	6	2	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13154125	TRẦN KHAI HƯNG	DH13OT	<i>Hung</i>		8	3	4	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13153121	VÕ THỊ KIM HƯƠNG	DH13CD	<i>Hương</i>		0	0	5	2,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118176	LÊ ĐÌNH KHÁ	DH13CK	<i>Khánh</i>		7	8	6	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13137076	ĐỖ ĐĂNG KHOA	DH13NL	<i>Đỗ</i>		4	7	3	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13154131	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	DH13OT	<i>Ngô</i>		9	6	3	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13137079	PHAN ĐĂNG TUẤN	DH13NL	<i>Tuấn</i>		8	7	3	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 5

Hiện diện: 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Cao Đức Lợi

Lưu Bá Xích

Vương Đình Bổng

Trần Thị Kim Nga

Đặng Hoàng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử-207110

Ngày Thi : 10/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD401 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 50%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13118190	TRẦN VĂN	LA	DH13CC			5	8	7	6,8		
2	12137032	PHẠM PHÚ	LÂN	DH12NL			7	10	7	7,8		
3	13154032	TRƯƠNG THÀNH	LONG	DH13OT			7	3	8	6,5		
4	13118202	NGUYỄN TẤN	LỘC	DH13CC			7	8	6	6,8		
5	13334114	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	CD13CI								
6	13334124	ĐẶNG THANH	NAM	CD13CI			6	6	5	4,0		
7	13154149	VÕ TẤN	NGA	DH13OT			7	6	7	6,8		
8	13118218	LÊ VŨ TRƯỜNG	NGỌC	DH13CK			5	8	9	7,8		
9	12137034	VÕ THANH	NHANH	DH12NL			7	10	5	6,8		
10	12154146	PHAN TRỌNG	NHÂM	DH12OT			7	4	4	4,8		
11	13118035	NGUYỄN ĐÌNH	NHẬT	DH13CK			4	9	3	4,8		
12	13334135	NGUYỄN MINH	NHẬT	CD13CI			6	5	3	4,3		
13	13334138	ĐÌNH VĂN	PHI	CD13CI			5	4	3	3,8		
14	13154043	NGUYỄN HỮU	PHONG	DH13OT			6	6	4	5,0		
15	13137104	NGUYỄN TẤN	PHONG	DH13NL			5	8	2	4,3		
16	13118236	ĐẶNG ĐÌNH	PHỔ	DH13CC			7	8	4	5,8		
17	13118039	HUỖNH HỒNG	PHÚC	DH13CK			3	6	3	3,8		
18	13118238	HÀ THANH	PHƯƠNG	DH13CC			5	8	4	5,3		

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử-207110

Ngày Thi : 10/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD401 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	08158135	DƯƠNG THỊ KIỀU	QUANH	DH08SK17	Liveh	8	10	4	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	13118043	NGÔ THÀNH	QUỐC	DH13CC	Được	5	4	6	5,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12153130	ĐỖ VĂN	SANG	DH12CD	Đỗ	8	7	2	4,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	13118260	LÊ NGUYỄN THÀNH	TÀI	DH13CC	Thành	6	8	6	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	13137121	VI VĂN	TÀI	DH13NL	Tài	4	8	8	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	13137122	ĐỖ KHÁNH	TÂM	DH13NL	Khánh	8	8	7	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 02 Hiện diện: 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Châu

Kiên v Đức

Vũ Ngọc Bình

Trần Thị Kim Nga

Lê Quý Hương

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử-207110

Ngày Thi : 10/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD402 Nhóm : 01 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	08118015	LƯƠNG HOÀNG	THÁI	DH08CK17	25					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13334175	ĐOÀN THIÊN	THANH	CD13CI	25	5	6	3	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13154174	TRẦN DUY	THANH	DH13OT	25	8	3	8	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118279	TRƯƠNG QUANG	THÀNH	DH13CK	25	4	8	6	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154040	HUỖNH	THẢO	DH10OT	25	0	0	0	0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154021	TRẦN VĂN	THĂNG	DH12OT	25	4	3	0	1,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13334189	ĐẶNG TUẤN	THỊ	CD13CI	25	3	8	0	2,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13154054	LÊ MINH	THIỆN	DH13OT	25	0	6	5	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118053	TRẦN THẾ	THIỆN	DH13CC	25	8	5	8	7,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118284	LÂM VĂN	THIỆT	DH13CC	25	6	8	2	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118291	PHẠM HỮU	THƯỜNG	DH13CK	25	8	8	5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118056	VÕ ĐỨC	TIẾN	DH13CC	25	4	7	3	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12137056	NGUYỄN TẤN	TOÀN	DH13NL	25	9	8	7	7,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10154049	DƯƠNG MẠNH	TRÍ	DH10OT	25	8	10	5	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118060	PHẠM QUANG	TRUNG	DH13CK	25	6	7	6	6,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13118321	TRẦN MINH	TRUNG	DH13CK	25	4	8	6	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118344	BÙI VĂN	TÚ	DH13CC	25	3	7	1	3,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13153256	LÊ XUÂN	TUẤN	DH13CD	25	7	7	8	7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử-207110

Ngày Thi : 10/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD402 Nhóm : 01 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13118061	NGUYỄN DUY TUẤN	DH13CC	<i>Tuấn</i>	25	3	9	3	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118342	NGUYỄN XUÂN TÙNG	DH13CC	<i>Xuân</i>	25	4	8	7	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13154207	VÕ THANH VÂN	DH13OT	<i>Thanh</i>	25	5	8	7	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13137162	NGUYỄN THỊ THU VUI	DH13NL	<i>Thu</i>	25	9	8	9	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13334249	NGUYỄN TẤN VINH	CD13CI	<i>Vinh</i>	25	0	0	0	0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13334252	NGUYỄN TẤN NHƯ Ý	CD13CI	<i>Như</i>	25	6	9	1	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đào Duy Vinh

Ngô Thị Hồng Diệp

Vũ Thị Hồng Diệp

Trần Thị Kim Ngân

Lê Quang Hải

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử-207110

Ngày Thi : 10/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD403 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
							20%	20%	60%			
1	13137015	PHẠM THÁI MINH	BẢO	DH13NL	<i>Ho</i>	2	9,0	8,0	6,5	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13154076	HUYỀN ĐỨC	BÌNH	DH13OT	<i>Đức</i>	1	7,0	8,0	5,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344022	NGUYỄN HOÀNG	CÔNG	CD12CI	<i>Hoàng</i>	1	6,0	4,0	1,0	2,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118008	NGUYỄN HOÀI ANH	DUY	DH13CK	<i>Anh</i>	1	6,0	6,0	3,0	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118010	LÊ TIẾN	ĐẠT	DH13CK	<i>Tiến</i>	1	7,0	6,0	6,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12344036	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	CD12CI	<i>Thành</i>	1	4,0	6,0	2,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12344079	HUYỀN VĂN	ĐIỆP	CD12CI	<i>Diệp</i>	1	4,0	7,0	4,0	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154215	BÙI ĐỨC	GIANG	DH12OT	<i>Giàng</i>	1	9,0	7,0	5,0	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12344143	HỒ VĂN	HẠ	CD12CI	<i>Hạ</i>	1	6,0	0,0	2,5	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13154015	NGUYỄN TẤN	HẢI	DH13OT	<i>Tấn</i>	2	0,0	6,0	6,5	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12136060	NGUYỄN VĂN	HẢI	DH12TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11158085	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	DH11SK	<i>Hồng</i>	1	6,0	6,0	4,5	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13137053	CAO GIA	HÂN	DH13NL	<i>Gia</i>	1	5,0	7,0	7,0	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13154018	HỒ THANH	HẾT	DH13OT	<i>Thanh</i>	1	7,0	5,0	2,0	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12344169	LÊ MINH	HÓA	CD12CI	<i>Minh</i>	1	7,0	7,0	7,5	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13154122	ĐỖ THANH	HÙNG	DH13OT							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13115235	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	DH13CB	<i>Mạnh</i>	1	4,0	6,0	0,5	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13118168	PHẠM VĂN	HÙNG	DH13CC							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử-207110

Ngày Thi : 10/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD403 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13115046	VŨ VĂN	HUY	DH13CB	1	4,0	4,0	0,0	1,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11158079	NGUYỄN MINH	KHƯƠNG	DH11SK	1	4,0	8,0	8,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12344158	NGÔ VŨ	LINH	CD12CI	1	4,0	5,0	4,5	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13154141	NGUYỄN THÀNH	LONG	DH13OT	1	7,0	7,0	4,0	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13154145	HIỂN NGỌC	LỢI	DH13OT	1	7,0	6,0	6,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12344027	NGUYỄN THÀNH	LỢI	CD12CI	1	6,0	7,0	3,0	4,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12344080	NGUYỄN THÀNH	LỢI	CD12CI	1	4,0	7,0	4,0	4,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12344127	VŨ TẢ	MẠNH	CD12CI	1	0,0	0,0	2,0	1,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13154147	NGUYỄN VĂN	MINH	DH13OT	1	10	4,0	8,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13154041	PHẠM HOÀNG	NHU	DH13OT	1	4,0	7,0	5,0	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13137102	TRẦN MINH	NHỰT	DH13NL	1	4,0	9,0	4,5	5,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 03 Hiện diện: 26

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Hiền

N. H. Đang

học m. Ban

LÊ QUANG HIỀN

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử-207110

Ngày Thi : 10/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD404 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						20%	20%	60%			
1	13154042	NGUYỄN VĂN PHI	DH13OT	Phi	1	8,0	7,0	8,0	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153009	NGUYỄN THANH PHONG	DH12CD	Phong	1	4,0	7,0	2,5	3,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12344105	BÙI VĂN PHÚ	CD12CI	Phu	1	4,0	5,0	1,0	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11158100	TRẦN MINH PHỤNG	DH11SK	Phung	1	0,0	0,0	1,5	0,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13137112	NGUYỄN MINH QUAN	DH13NL	Quan	1	6,0	6,0	9,0	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12138127	PHAN THANH QUÍ	DH12TD	Qua	1	4,0	4,0	1,0	2,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13154163	ĐÀO TRẦN PHÚ	DH13OT	Phu	1	4,0	7,0	4,0	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13137116	NGUYỄN ĐỨC	DH13NL	Duc	1	7,0	6,0	6,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13154166	TRẦN VĂN SÁU	DH13OT	Sau	1	7,0	4,0	6,5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13154050	NGÔ VĂN SỰ	DH13OT	Su	1	6,0	9,0	5,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154052	LÊ TRUNG TÁ	DH13OT	Ta	1	10	7,0	9,0	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12344191	HÀ TÂN TÀI	CD12CI	Tai	1	6,0	8,0	4,0	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12344046	HOÀNG XUÂN TÀI	CD12CI	Tai	1	6,0	4,0	4,5	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12344197	NGUYỄN THÀNH TÂM	CD12CI	Ham	1	4,0	6,0	4,0	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13137138	PHẠM NGỌC THIỆN	DH13NL	Qua	1	6,0	6,0	4,0	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11158037	NGUYỄN QUỐC THỊNH	DH11SK	Thinh	1	4,0	7,0	1,0	2,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13153224	LÊ TỰ QUỐC THÔNG	DH13CD	Thong	2	8,0	5,0	5,5	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12344192	NGUYỄN VĂN THỜI	CD12CI	Thoi	1	5,0	6,0	3,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật điện tử-207110

Ngày Thi : 10/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD404 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12344126	VÕ THOM	CD12CI	✓	✓	20%	20%	60%		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12344128	VÕ MINH	CD12CI	Full	1	4,0	9,0	2,5	4,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13115412	NGUYỄN THỊ ANH	DH13CB	Thuc	1	7,0	8,0	5,5	6,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12344183	NGUYỄN VĂN	CD12CI	✓	✓					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13154194	NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	Truong	1	7,0	5,0	3,0	4,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13115449	VÕ QUỐC	TRƯỜNG	Quoc	1	7,0	5,0	3,5	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12153157	NGUYỄN ANH	TUẤN	Tuan	1	6,0	3,0	7,0	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13115453	TRẦN ANH	TUẤN	Anh	1	4,0	0,0	7,5	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12344151	TRẦN MẠNH	TUẤN	Manh	1	5,0	8,0	4,0	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12118105	NGUYỄN THANH	VINH	Thuc	1	6,0	7,0	6,5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13154068	PHẠM HIẾN	VINH	Hiên	1	6,0	0,0	3,5	3,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 2 Hiện diện: 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Minh Hiền

Trần Văn Tuấn

Le Văn Phụng

LE QUANG HIỀN